TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2019/HSPT
Ngày 10 tháng 4 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Anh Tài;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Phách;

Ông Võ Hồng Sơn.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Vĩnh, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 795/2018/TLPT-HS ngày 09/10/2018 đối với bị cáo Quan Thanh H và các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo, kháng cáo của người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 283/2018/HS-ST ngày 06/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

**** Các bị cáo có kháng cáo:***

1. Quan Thanh H, sinh năm 1984; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 47 phố YM, phường VM, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp khi phạm tội là nhân viên Ngân hàng TMCP ĐNA; trình độ học vấn: lớp 12/12; con ông Quan Văn T và bà Vi Thị S; có chồng là Hoàng Quốc V và 03 con (con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2018); chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo hiện nay đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn Th, sinh năm 1972; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 24 ngõ 521/80 CN, phường CN 2, quận BTL, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp khi phạm tội là nhân viên Bảo vệ Ngân hàng TMCP ĐNA; trình độ học vấn: lớp 5/12; con ông Nguyễn Văn K và bà Lại Thị H (đều đã chết); có vợ là Nguyễn Thị H1 và 02 con (con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2011); chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo hiện nay đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

**** Bị cáo bị kháng cáo:***

3. Phạm Thị Thu Th1, sinh năm 1982; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 7 ngõ 102 Âu Cơ, phường TL, quận TH, thành phố Hà Nội; Chỗ ở hiện nay: số 31 phố NS, phường HB, quận HK, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp khi phạm tội là nhân viên Ngân hàng TMCP ĐNA; trình độ học vấn: lớp 12/12; con ông Phạm Duy S1 và bà Phan Thị Y; có chồng là Trần Gia L và 01 con sinh năm 2006; chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo hiện nay đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

**** Người bào chữa cho bị cáo Quan Thanh H***: Luật sư Nguyễn Trọng V1, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

**** Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Thu Th1***: Luật sư Trịnh Khánh T2 - Công ty luật TNHH MTV PS, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

**** Người bị hại có kháng cáo:*** Ngân hàng TMCP ĐNA; trụ sở: số 25 phố THĐ, quận HK, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T3 - Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Đình K - Phó tổng giám đốc, kiêm giám đốc khối xử lý nợ; ông Phạm Ngọc T4 - Chuyên viên khối xử lý nợ; ông Phạm Đức Đ - Giám đốc xử lý nợ miền Bắc; bà Nguyễn Thị Ngọc L - Giám đốc pháp chế tố tụng Ngân hàng TMCP ĐNA. (Có mặt ông T4; vắng mặt ông K, ông Đ, bà L).

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến kháng cáo:*** Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1973; địa chỉ: 24 ngõ 521/80 CN, phường CN 2, quận BTL, thành phố Hà Nội.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 04 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngân hàng TMCP ĐNA (tên viết tắt là SBk) có vốn góp của Nhà nước là 6,115%. Thông qua công tác kiểm tra, kiểm soát đối với hoạt động của Phòng giao dịch HN thuộc SBk - Chi nhánh LH. SBk phát hiện Quan Thanh H là nhân viên của Phòng giao dịch HN, có hành vi giả mạo chữ ký khách hàng gửi tiền tiết kiệm, sau đó làm thủ tục tất toán các sổ tiết kiệm, rút tiền của Ngân hàng rồi chiếm đoạt số tiền lớn. Quá trình điều tra làm rõ được hành vi của Quan Thanh H như sau:

Ngày 21/9/2015, Quan Thanh H là giao dịch viên của Phòng giao dịch HN thuộc SBk - Chi nhánh LH được điều chuyển về làm việc tại vị trí giao dịch viên của Phòng giao dịch HN thuộc SBk - Chi nhánh LH, nhiệm vụ của H là: Tiếp nhận và

làm hồ sơ thủ tục mở sổ tiết kiệm tiền gửi, cũng như tất toán tiền gửi cho khách hàng đến giao dịch tại Phòng giao dịch.

** Hành vi phạm tội của Quan Thanh H, Nguyễn Văn Th như sau*:

Trong khoảng thời gian từ tháng 8/2016 đến tháng 3/2017 để có tiền trả nợ và phục vụ cho việc đánh bạc dưới hình thức chơi "Lô, Đề", Quan Thanh H đã sử dụng thủ đoạn: Đóng giao dịch bằng điện thoại của khách hàng, rồi đăng ký thay thế bằng số điện thoại của H để nhận thông tin tài khoản và thực hiện giao dịch trên tài khoản của khách hàng; lập và ký giả các chữ ký của khách hàng trên các Hợp đồng tiền gửi, giấy ủy nhiệm chi, các giấy tờ giao dịch với Ngân hàng. Sau đó, lợi dụng sự tin tưởng của Phạm Thị Thu Th1 là trưởng nhóm giao dịch viên, được giao tài khoản đăng nhập *(USER - được SBk cấp cho Th1 để thực hiện công việc chuyên môn tại Ngân hàng)* và mật khẩu của Th1, H đã tự ý duyệt các giao dịch trên hệ thống mạng máy tính của Ngân hàng để làm thủ tục tất toán, làm giả sổ tiết kiệm của khách hàng gửi tiền tiết kiệm. Với thủ đoạn này, thông qua 05 sổ tiền gửi tiết kiệm của 03 khách hàng là: Hoàng Thị U, Vũ Thị P, Trương Thị T5, H đã chiếm đoạt tổng số tiền là 7.264.000.000 đồng của SBk, cụ thể như sau: Thông qua 02 sổ tiền gửi tiết kiệm của khách hàng Hoàng Thị U *(gửi tổng số tiền 4.800.000.000 đồng)* H đã chiếm đoạt số tiền 3.864.000.000 đồng; Thông qua sổ tiền gửi tiết kiệm của khách hàng Vũ Thu P, H chiếm đoạt số tiền 2.000.000.000 đồng; Thông qua 02 sổ tiền gửi tiết kiệm của khách hàng Trương Thị T5, H chiếm đoạt số tiền 1.400.000.000 đồng.

Toàn bộ số tiền chiếm đoạt được, Quan Thanh H đã chuyển vào tài khoản số: 006.000.1402.2366 mở tại SBk - Chi nhánh LH mang tên Hoàng Quốc V *(là chồng của H)* do H mượn Chứng minh thư nhân dân của chồng tự đứng ra mở tài khoản để sử dụng.

Từ tài khoản trên, H tiếp tục chuyển tiền đến tài khoản số: 006.00013946228 mở tại SBk - Chi nhánh LH mang tên Nguyễn Văn Th là nhân viên bảo vệ của Phòng Giao dịch ĐT, thuộc SBk - Chi nhánh LH, để thực hiện việc thanh toán tiền đánh bạc dưới hình thức chơi "Lô, Đề" khi có nhu cầu và sử dụng cho cá nhân.

Về phương thức đánh bạc và thanh toán được H và Th thống nhất thực hiện như sau: Hàng ngày, H sử dụng điện thoại di động với nhiều số sim khác nhau để liên lạc và nhắn tin chơi "Lô, Đề" với Th với phương thức: Chơi "Đề" thì chọn 02 số tự nhiên đến cuối ngày so với 02 số cuối giải đặc biệt của kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc do Nhà nước tổ chức, với tỷ lệ chơi, nếu thắng thì được ăn theo tỷ lệ gấp 70 lần số tiền đánh *(chơi 1000 đồng nếu thắng được 70.000 đồng);* Chơi "Lô" thì so với 02 số cuối cùng của tất cả 27 giải trong kết quả xổ số, theo tỷ lệ 22,5% *(nghĩa là nếu chơi 01 điểm lô thì người chơi phải bỏ ra số tiền là 22.500*

đồng), nếu người chơi thắng sẽ được hưởng 80.000 đồng/1 điểm lô. Việc thanh toán được thực hiện như sau: Nếu thua, hôm sau H chuyển tiền qua tài khoản cho Th để thanh toán, nếu thắng thì H sẽ được Th thanh toán tiền trực tiếp.

Căn cứ vào sao kê tài khoản mà Cơ quan điều tra thu thập được xác định: Tổng số tiền mà Quan Thanh H đã sử dụng để thanh toán tiền đánh bạc dưới hình thức chơi "Lô, Đề" cho Nguyễn Văn Th là 6.731.478.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Th khai đã sử dụng nhiều số sim điện thoại di động khác nhau để liên lạc khi tổ chức đánh bạc dưới hình thức chơi "Lô, Đề" với H (các sim điện thoại này Th đã bỏ đi nên không nhớ số). Sau khi nhận tiền chơi "Lô, Đề" từ H thì Th chuyển lại cho một đối tượng có tên là M1 (không rõ tên, tuổi, địa chỉ ở đâu) hay ngồi tại quán nước gần khu vực Phòng Giao dịch ĐT để hưởng chênh lệch với tỷ lệ như sau: Nếu thu 01 điểm "Lô" của H là 22.500 đồng thì Th chuyển lại cho M1 là 21.800 đồng (Th hưởng 3,1%); nếu thu tiền "Đề" của H là 10.000 đồng thì Th chuyển lại cho M1 8.000 đồng (Th hưởng 20%). Do Th không cung cấp được thông tin cụ thể về đối tượng M1 nên Cơ quan điều tra chưa xác minh làm rõ được.

Sau khi chuyển tiền và số "Lô, Đề" cho M1 thì tổng số tiền Th được hưởng chênh lệch từ việc tổ chức đánh bạc khoảng 300.000.000 đồng, số tiền này Th đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

** Hành vi phạm tội của Phạm Thị Thu Th1 như sau:*

Phạm Thị Thu Th1 là trưởng nhóm giao dịch viên Phòng giao dịch HN thuộc SBk - Chi nhánh LH, với nhiệm vụ được phân công cụ thể như sau: Giám sát việc thực hiện giao dịch với khách hàng tại quầy của các giao dịch viên tại Phòng giao dịch của Giao dịch viên; Thực hiện kiểm soát, đối chiếu các giao dịch phát sinh của Phòng giao dịch vào cuối ngày theo sự phân công ủy quyền của Ban lãnh đạo Ngân hàng; Giám sát các hoạt động kế toán tại Phòng giao dịch đảm bảo tính tuân thủ các quy trình, quy chế của SBk, tuân thủ và phòng chống rửa tiền, đặc biệt là quản lý các giao dịch liên quan đến tài sản của khách hàng và SBk: Ký kiểm soát các chứng từ liên quan đến sổ tiết kiệm của khách hàng, tài khoản tiền gửi thanh toán, các giao dịch kế toán...

Do Phạm Thị Thu Th1 hay vắng mặt tại Phòng giao dịch, nên Th1 đã tự ý giao tài khoản đăng nhập được Ngân hàng cấp để phục vụ hoạt động của Ngân hàng (USER) và mật khẩu của mình cho Quan Thanh H để H sử dụng duyệt các chứng từ trên hệ thống mạng máy tính của Ngân hàng *(Th1 biết rõ theo quy định của Ngân hàng: Th1 phải có trách nhiệm bảo mật User và mật khẩu, không được phép tiết lộ cho ai biết và sau 60 ngày phải đổi mật khẩu khác, việc Th1 vẫn giao User và mật khẩu của mình cho H là trái quy định của Ngân hàng).* Toàn bộ việc

tất toán sổ tiết kiệm của các khách hàng, chuyển tiền, rút tiền mặt, đóng và mở dịch vụ InternetBanking *(giao dịch bằng số điện thoại di động),* Th1 không được H bàn bạc, thống nhất hay hưởng lợi gì. Đối với các chứng từ, tài liệu trên giấy, Th1 khai đến cuối ngày Th1 trực tiếp ký hoặc được H tập hợp lại sau 1 đến 2 ngày để Th1 ký, mục đích để hoàn thiện chứng từ báo cáo với Ngân hàng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xác định: Từ tháng 8/2016 đến tháng 3/2017, bà Vũ Thu P và bà Trương Thị T5 (là người gửi tiền tiết kiệm) tại SBk đều không tất toán sổ tiết kiệm cũng như không ký ủy nhiệm chi hay chuyển tiền từ tài khoản của mình sang tài khoản tiền gửi nào, nhưng H đã tự ý giả mạo chữ ký khách hàng, thực hiện các giao dịch trên tài khoản của bà Phương và bà Tân để chuyển tiền sang tài khoản do H tự mở đứng tên anh V *(chồng H*). Hiện nay, bà Phương, bà Tân và bà Hoàng Thị U đã được SBk làm lại sổ tiết kiệm mới nên không bị thiệt hại gì về tiền.

Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chiếu, xác minh tại SBk, xác định: Tổng số tiền Quan Thanh H đã chiếm đoạt tại thời điểm tất toán các sổ tiết kiệm của 03 khách hàng nêu trên là 7.264.000.000 đồng. Hiện nay trong tài khoản tiền gửi của anh V *(chồng H)* còn 186.601.702 đồng, tài khoản đứng tên H còn 50.944.036 đồng và toàn bộ số tiền từ Hợp đồng tiền gửi đứng tên Nguyễn Thị L *(do H tự lập)* có số tiền 50.000.000 đồng. Quá trình làm việc với SBk, gia đình Quan Thanh H đã khắc phục được 100.000.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định số 4475 ngày 26/7/2017, Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội, kết luận:

Chữ ký, chữ viết dưới mục *"Khách hàng"* trên "Hợp đồng tiền gửi an tâm số AT0050374, bên gửi đứng tên Vũ Thu P, bên nhận đứng tên Ngân hàng TMCP ĐNA - Phòng giao dịch HN, đề ngày 05/9/2016", *"Phụ lục 01 ngày 22/9/2016 giữa bà Vũ Thu P và Ngân hàng TMCP ĐNA*" và mục *"Chủ tài khoản"* trên *"Uỷ nhiệm chi đề ngày 22/6/2016 thể hiện bà Vũ Thu P chuyển 2.000.000.000 đồng sang tài khoản tiền gửi thanh toán của bà Hoàng Thị U"* so với chữ ký, chữ viết của bà Vũ Thu P trên các tài liệu so sánh là không phải chữ do cùng một người ký và viết ra.

Chữ ký, chữ viết dưới mục *"Khách hàng"* trên *"Hợp đồng tiền gửi an tâm số AT 0059277, bên gửi tiền đứng tên Hoàng Thị U, bên nhận tiền gửi đứng tên Ngân hàng TMCP ĐNA - Phòng giao dịch HN, đề ngày 09/11/2016"* và trên *"Phụ lục 01 ngày 08/3/2017 giữa bà Hoàng Thị U và Ngân hàng TMCP ĐNA"* so với chữ ký, chữ viết của bà Hoàng Thị U trên các tài liệu so sánh là không phải chữ do cùng một người ký, viết ra.

Tại Bản kết luận giám định số 1312/KLGĐ-PC54(DD4) ngày 09/02/2018, Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội, kết luận: Chữ ký dạng viết tên *"V"* và chữ viết dòng họ tên *"Hoàng Quốc V"* dưới chữ ký trên các tài liệu cần giám định gồm: Đơn đăng ký dịch vụ ngân hàng; số tiết kiệm có kỳ hạn: 25 Giấy rút tiền; 05 ủy nhiệm chi; 16 Giấy nộp tiền đều đứng tên Hoàng Quốc V với chữ ký, chữ viết Hoàng Quốc V trên các tài liệu mẫu không phải chữ do cùng một người ký và viết ra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 283/2018/HSST ngày 06/8/2018, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b khoản 2 Điều 248; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm c, g khoản 1 Điều 48 *(đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản)*; Điều 33; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt Quan Thanh H 18 (Mười tám) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 04 (Bốn) năm tù về tội "Đánh bạc". Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 22 (Hai mươi hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 249; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt Nguyễn Văn Th 07 (Bẩy) năm tù về tội "Tổ chức đánh bạc", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 2 Điều 285; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt Phạm Thị Thu Th1 36 (Ba mươi sáu) tháng tù về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng", nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (Sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về biện pháp tư pháp: Buộc Ngân hàng TMCP ĐNA phải trả lại cho chị Nguyễn Thị H1 02 quyển sổ tiết kiệm đứng tên người gửi Nguyễn Thị H1 gửi tiền tại Ngân hàng TMCP ĐNA, cụ thể gồm: sổ tiết kiệm số TK SC 1249233 mở ngày 21/12/2016, kỳ hạn 03 tháng, số tiền gốc 200.000.000 đồng; sổ tiết kiệm số TK SC1292040 mở ngày 11/02/2017, kỳ hạn 03 tháng, số tiền gốc 100.000.000 đồng; Bao gồm toàn bộ số tiền gốc và các khoản tiền lãi phát sinh theo các thỏa thuận giữa Ngân hàng với chị H1 tại thời điểm mở sổ tiết kiệm.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/8/2018, bị cáo Nguyễn Văn Th kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 17/8/2018, đại diện người bị hại Ngân hàng TMCP ĐNA kháng cáo với nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tăng hình phạt đối với bị cáo Phạm Thị Thu

Th1 theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999; Hủy bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự buộc ngân hàng phải trả lại cho bà Nguyễn Thị H1 02 sổ tiết kiệm mà ngân hàng đã thu cả gốc và lãi.

Ngày 21/8/2018, bị cáo Quan Thanh H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội và tội danh như Tòa án cấp sơ thẩm quy kết là đúng người, đúng tội, không oan.

Bị cáo Quan Thanh H xin giảm nhẹ hình phạt với lý do, quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội cũng chỉ vì sự quản lý lỏng lẻo vủa Ngân hàng; bị cáo có bố đẻ được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang và bị nhiễm chất độc hóa học.

Bị cáo Nguyễn Văn Th xin giảm nhẹ hình phạt với lý do nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; bản thân bị bệnh tiểu đường nặng, phải điều trị tại bệnh viện; quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Tại phiên tòa, bị cáo Th đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã khắc phục được 100.000.000 đồng/300.000.000 đồng số tiền thu lợi bất; gia đình bị cáo có công với cách mạng để từ đó giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Phạm Thị Thu Th1 đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

Đại diện bị hại trình bày: Về tội danh của các bị cáo và trách nhiệm bồi thường của bị cáo H như Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là đúng pháp luật. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử tăng hình phạt đối với bị cáo Phạm Thị Thu Th1 theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999. Về số tiền mà gia đình bị cáo Th tự nguyện khắc phục hậu quả là một phần tiền trong số tiền bị cáo H chiếm đoạt của SBk, đề nghị giao cho SBk thu hồi số tiền này để khắc phục một phần hậu quả và đồng thời đề nghị hủy bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự buộc SBk phải trả lại cho bà Nguyễn Thị H1 02 sổ tiết kiệm mà SBk đã thu cả gốc và lãi.

Người bào chữa cho bị cáo Quan Thanh H trình bày: Về tội danh và hành vi của bị cáo đã rõ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc quản lý tại Ngân hàng quá lỏng lẻo, tạo điều kiện cho bị cáo chiếm đoạt tài sản; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục một phần hậu quả vụ án; bị cáo đang nuôi con nhỏ hoàn cảnh gia đình khó khăn, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Thu Th1 trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" là đúng

pháp luật. Bị cáo phạm tội là do tin tưởng bị cáo H, phạm tội do lỗi vô ý, không có sự bàn bạc hoặc hưởng lợi ích vật chất với bị cáo H; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bản thân bị cáo đã rất suy sụp sau khi xảy ra sự việc; bị cáo hiện đang nuôi con nhỏ, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo là phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người bị hại; giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Th1.

Chị Nguyễn Thị H1 trình bày: Chị không biết và không liên quan gì đến hành vi đánh bạc của bị cáo Th và bị cáo H. Chị đồng ý với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm trả lại cho chị 02 quyển sổ tiết kiệm như đã tuyên, chị không đồng ý với lời trình bày của đại diện Ngân hàng, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về phần liên quan đến chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi tóm tắt nội dung vụ án và phân tích các tình tiết, tài liệu trong hồ sơ vụ án, có quan điểm: Về tội danh như Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết các bị cáo là có căn cứ.

Về hình phạt:

Bị cáo Quan Thanh H chiếm đoạt số tiền đặc biệt lớn, trên 7 tỷ đồng trong thời gian dài, sau khi phạm tội bị cáo mới chỉ khắc phục một phần nhỏ thiệt hại cho ngân hàng; bị cáo phạm 02 tội và phạm tội nhiều lần, nên mức hình phạt như Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo là phù hợp.

Bị cáo Nguyễn Văn Th đã tổ chức chơi đánh bạc bằng hình thức ghi "lô", "đề" cho H và đối tượng khác để hưởng chênh lệch tổng số tiền là 300.000.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm b khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo 07 năm tù về tội "Tổ chức đánh bạc" là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xuất trình tình tiết giảm nhẹ mới: Đã khắc phục được một phần số tiền thu lợi bất chính (100 triệu/300 triệu đồng); bản thân bị cáo đang bị bệnh đái tháo đường tuýp 2; gia đình bị cáo có công với cách mạng được tặng thưởng nhiều Huân huy chương, nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo Th cho phù hợp với vai trò của bị cáo.

Bị cáo Phạm Thị Thu Th1 phạm tội với lỗi vô ý vì quá tin tưởng bị cáo H; bị cáo không có tình tiết tăng nặng; quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào vị trí, vai trò, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để xử phạt bị cáo mức án 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo là phù hợp, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người bị hại về phần này.

Về biện pháp tư pháp: Chị Nguyễn Thị H1 không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, các sổ tiết kiệm đều đứng tên chị, chị yêu cầu được nhận lại sổ tiết kiệm là hoàn toàn chính đáng, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ngân hàng phải trả lại 02 sổ tiết kiệm cho chị H1 là đúng pháp luật. Nếu có căn cứ xác định số tiền này do bị cáo Th có được do thu lợi bất chính thì sẽ tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền này.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của các bị cáo và kháng cáo của người bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra công khai tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Luật sư và những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Lời khai của các bị cáo tại phiên toà hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm; lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận:

Lợi dụng vị trí công tác là Giao dịch viên của Phòng giao dịch HN thuộc SBk - Chi nhánh LH, thời gian từ tháng 8/2016 đến tháng 3/2017 do cần tiền để trả nợ và phục vụ cho việc đánh bạc dưới hình thức chơi "Lô", "Đề". Quan Thanh H đã sử dụng thủ đoạn: Đóng giao dịch bằng điện thoại của khách hàng, rồi đăng ký thay thế bằng số điện thoại của Quan Thanh H để nhận thông tin tài khoản và thực hiện giao dịch tài khoản của khách hàng qua mạng máy tính của ngân hàng; lập thêm và ký giả chữ ký của khách hàng trên hợp đồng tiền gửi, ủy nhiệm chi. Sau đó, lợi dụng sự tin tưởng của Phạm Thị Thu Th1 - Trưởng nhóm giao dịch viên, sau mỗi lần giao mật khẩu và USER để duyệt trên hệ thống máy tính các hồ sơ, thủ tục tất toán, giả sổ tiết kiệm của các khách hàng gửi tiền tiết kiệm. Với thủ đoạn này, thông qua 05 sổ tiền gửi tiết kiệm của 03 khách hàng nên Quan Thanh H đã chiếm đoạt tổng số tiền là 7.264.000.000 đồng, Quan Thanh H đã sử dụng 6.731.478.000 đồng để đánh bạc dưới hình thức chơi "Lô", "Đề" chuyển tiền qua tài khoản với Nguyễn Văn Th.

Bị cáo Nguyễn Văn Th nhận tiền đánh bạc với H. Sau khi nhận tiền chơi "Lô", "Đề" của H thì Th chuyển lại cho đối tượng có tên M1 để hưởng chênh lệch, thông qua việc tổ chức ghi "Lô", "Đề", Th được hưởng chênh lệch tổng số tiền là 300.000.000 đồng.

Bị cáo Phạm Thị Thu Th1 do tin tưởng, chủ quan và thực hiện sai nguyên tắc những quy định về việc bảo mật mật khẩu USER nên Th1 đã bàn giao mật khẩu USER cho Quan Thanh H khi không có mặt tại nơi làm việc, dẫn đến việc

Quan Thanh H sử dụng mật khẩu USER để duyệt trên hệ thống máy tính các hồ sơ, thủ tục tất toán, giả sổ tiết kiệm của các khách hàng gửi tiền tiết kiệm, chiếm đoạt tổng số tiền 7.264.000.000 đồng của ngân hàng SBk. Tuy nhiên, Phạm Thị Thu Th1 không được bàn bạc hay hưởng lợi gì từ việc làm của H.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án bị cáo Quan Thanh H phạm các tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", "Đánh bạc"; quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; bị cáo Nguyễn Văn Th phạm tôi "Tổ chức đánh bạc" theo điểm b khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 1999; bị cáo Phạm Thị Thu Th1 phạm tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" quy định tại khoản 2 Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo và người bị hại về mức hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trong vụ án này, bị cáo H đã lợi dụng vị trí công tác, là nhân viên giao dịch của Ngân hàng được giao một số nhiệm vụ, quyền hạn để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và nhiều lần rút tiền chiếm đoạt tài sản của Ngân hàng, nhiều lần chuyển tiền cho Th để đánh bạc, mỗi lần bị cáo rút tiền của Ngân hàng và chuyển tiền đánh bạc đều trên mức khởi điểm chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 và "phạm tội nhiều lần" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999, như Tòa án cấp sơ thẩm quy kết là có căn cứ. Khi quyết định mức hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét về số tiền bị cáo chiếm đoạt; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn nhận tội, ăn năn hối cải; đã khắc phục một phần hậu quả vụ án cho Ngân hàng; bị cáo đang nuôi con nhỏ để xử phạt bị cáo 18 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", 04 năm tù về tội "Đánh bạc" là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa bị cáo xuất trình thêm tài liệu, có bố đẻ bị nhiễm chất độc hóa học và là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng nên không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Quan Thanh H.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Th: Trước khi khởi tố vụ án (ngày 07/8/2017) ngay tại các lời khai ban đầu, bị cáo Th đã thừa nhận: "…*Tôi được hưởng 300.000.000 đồng thông qua việc H nhờ tôi đánh lô, đề cho H. Số tiền này tôi được M1 cắt cho khi chuyển tiền của H cho M1*" (lời khai ngày 06/6/2017, BL 246). Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai sau này, phù hợp với lời khai của bị cáo H, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do đó Tòa án

cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "Tổ chức đánh bạc" là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị cáo Th đã nhiều lần tổ chức đánh bạc cho bị cáo H, số tiền các bên giao dịch để đánh bạc mỗi lần đều trên mức khởi điểm chịu trách nhiệm hình sự, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng "phạm tội nhiều lần" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 như Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng là có căn cứ. Trong vụ án này, bị cáo Th tham gia với vai trò đồng phạm, giúp sức, tổ chức cho bị cáo H đánh bạc, do vậy khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét đến vai trò của bị cáo khi phạm tội, để đảm bảo cá thể hóa trách nhiệm hình sự cũng như vai trò của từng bị cáo trong vụ án; quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn nhận tội, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo xuất trình một số tình tiết giảm nhẹ mới như: đã khắc phục được một phần số tiền hưởng lợi bất chính (100.000.000 đồng/300.000.000 đồng, đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội, theo Biên lai thu tiền số 0004533 ngày 09/4/2019) nên được Hội đồng xét xử xác nhận việc bị cáo đã khắc phục được một phần số tiền hưởng lợi bất chính này; bản thân bị cáo hiện nay đang bị bệnh đái tháo đường tuýp 2 (có hồ sơ bệnh án, có xác nhận của Bệnh viện 198 - Bộ Công an); gia đình bị cáo có công với cách mạng được tặng thưởng nhiều huân huy chương. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn Th.

Đối với bị cáo Phạm Thị Thu Th1, từ tháng 8/2016 đến tháng 3/2017 đã thiếu trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, nhiều lần giao USER và mật khẩu của mình cho H sử dụng. Để từ đó bị cáo H đã sử dụng tên đăng nhập và mật khẩu của Th1 thực hiện việc đóng, mở dịch vụ đăng ký số điện thoại thông báo giao dịch của các khách hàng, phê duyệt các giao dịch, tất toán sổ tiết kiệm của khách hàng, chuyển tiền, rút tiền mặt... Bị cáo Th1 còn thiếu kiểm tra trong việc kiểm soát các chứng từ tài liệu liên quan đến tài khoản của khách hàng *(không trực tiếp phê duyệt trên phần mềm quản lý, không kiểm soát chứng từ trên giấy khi ký, không kiểm tra chứng từ giao dịch cuối ngày, không quản lý hồ sơ chứng từ chặt chẽ)* để bị cáo H lợi dụng sơ hở, thực hiện các giao dịch không đúng quy định chiếm đoạt 7.264.000.000 đồng của Ngân hàng TMCP ĐNA. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội do lỗi vô ý; không được bàn bạc hay hưởng lợi gì từ việc làm của bị cáo H; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, cho bị cáo tự cải tạo ở ngoài xã hội cũng đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung nên Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo là phù hợp, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của đại diện người bị hại về tăng hình phạt đối với bị cáo Phạm Thị Thu Th1.

[3] Đối với kháng cáo của người bị hại liên quan đến quyển sổ tiết kiệm số TK SC 1249233 mở ngày 21/12/2016 và quyển sổ tiết kiệm số TK SC 1292040 mở ngày 11/02/2017, đều mang tên chị Nguyễn Thị H1, Hội đồng xét xử xét thấy rằng:

Chị H1 không liên quan đến hành vi chiếm đoạt tiền của Ngân hàng. Các quyển sổ tiết kiệm trên đứng tên chị H1, do đó chị có yêu cầu Ngân hàng phải trả lại cho chị 02 quyển sổ tiết kiệm cùng toàn bộ số tiền gốc, tiền lãi trong hai quyển sổ tiết kiệm trên là có căn cứ, đúng pháp luật. Đại diện Ngân hàng cho rằng số tiền trong 02 quyển sổ tiết kiệm trên liên quan đến hành vi phạm tội của H và Th, như thể hiện tại Biên bản làm việc về việc khắc phục hậu quả (BL 1112), tuy nhiên tại biên bản này chỉ thể hiện bị cáo Th và gia đình cam kết tự nguyện khắc phục hậu quả từ số tiền trong các sổ tiết kiệm, ủy quyền cho ngân hàng tất toán các sổ tiết kiệm, tự động trích số tiền còn lại trên tài khoản để khắc phục hậu quả, chứ không có căn cứ thể hiện số tiền trong các sổ tiết kiệm liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo H và Th, nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của chị H1, buộc Ngân hàng phải trả lại cho chị H1 02 quyển sổ tiết kiệm trên cùng toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi trong các sổ tiết kiệm đó là có căn cứ, do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của đại diện bị hại về phần này.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Th. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Quan Thanh H; không chấp nhận kháng cáo của người bị hại đối với bị cáo Phạm Thị Thu Th1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị H1 như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mà cần giữ nguyên quyết định về hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Quan Thanh H, Phạm Thị Thu Th1 và áp dụng biện pháp tư pháp đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị H1.

[4] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo Quan Thanh H và người bị hại không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định. Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Th được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Quan Thanh H và kháng cáo của người bị hại đối với bị cáo Phạm Thị Thu Th1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị H1; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Th; Tuyên xử:

* Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b khoản 2 Điều 248; các điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm c *(đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản)* và điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt: Quan Thanh H 18 (Mười tám) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 04 (Bốn) năm tù về tội "Đánh bạc". Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Quan Thanh H phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 22 (Hai mươi hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

* Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 249; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt: Nguyễn Văn Th 04 (Bốn) năm tù về tội "Tổ chức đánh bạc", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

* Áp dụng khoản 2 Điều 285; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt: Phạm Thị Thu Th1 36 (Ba mươi sáu) tháng tù về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng", nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (Sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Phạm Thị Thu Th1 cho Ủy ban nhân dân phường HB, quận HK, thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Về biện pháp tư pháp: Buộc Ngân hàng TMCP ĐNA phải trả lại cho chị Nguyễn Thị H1 02 quyển sổ tiết kiệm đứng tên người gửi Nguyễn Thị H1 gửi tiền tại Ngân hàng TMCP ĐNA, cụ thể gồm: sổ tiết kiệm số TK SC 1249233 mở ngày 21/12/2016, kỳ hạn 03 tháng, số tiền gốc 200.000.000 đồng; sổ tiết kiệm số TK SC1292040 mở ngày 11/02/2017, kỳ hạn 03 tháng, số tiền gốc 100.000.000 đồng. Bao gồm toàn bộ số tiền gốc và các khoản tiền lãi phát sinh theo các thỏa thuận giữa Ngân hàng với chị H1 tại thời điểm mở sổ tiết kiệm.

Xác nhận bị cáo Nguyễn Văn Th đã tự nguyện khắc phục số tiền 100.000.000 đồng (theo Biên lai thu tiền số 0004533 ngày 09/4/2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội).

[3] Về án phí: Bị cáo Quan Thanh H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Ngân hàng TMCP ĐNA phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc

thẩm (được đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0000818 ngày 12/9/2018 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội).

[4] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Xuân Phách **Võ Hồng Sơn** **Mai Anh Tài**

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- Cục THA dân sự TP Hà Nội;
- Các bị cáo (theo đ/c);
- Người bị hại (theo đ/c);
- Người có QL,VNLQ (theo đ/c);
- Lưu HS, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Anh Tài